**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN CỜ ĐỎ**
**TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2018
*V/v Ly hôn giữa chị M và anh B.*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ - THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Minh Phụng
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Lương Hùng Dũng
2. Ông Huỳnh Thanh Vũ

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên toà:*** Ông Lưu Quốc Phú - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2018/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 04 năm 2018 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2018/QĐXX-ST ngày 14 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Chị Thạch Thị Xà M, sinh năm 1988; Trú tại: Ấp B, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. *(có mặt)*

*Bị đơn*: Anh Lê Văn B, sinh năm 1985; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. *(có mặt)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Thạch Thị Xà M trình bày*: Vào khoảng năm 2008, do quen biết, tìm hiểu, chị và anh Lê Văn B tự nguyện tiến tới hôn nhân, không có tổ chức đám cưới theo phong tục và không có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau này phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài. Từ đó, vợ chồng thường hay mâu thuẫn dẫn đến cự cãi nhau nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được nên chị M xin được ly hôn với anh B.

Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung: Cháu Thạch Vũ K1, sinh ngày 09/9/2011 và cháu Thạch Vũ K2, sinh ngày 10/8/2014. Hiện cháu K1 đang sống chung với anh B và cháu K2 đang sống với chị M. Khi ly hôn chị M yêu cầu nuôi 02 cháu đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*Tại Tờ tự khai và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Lê Văn B trình bày:* Anh B thống nhất lời trình bày của chị M về thời gian tiến tới hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung, thời gian sống ly thân. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì anh thừa nhận vợ chồng thường hay cự cãi nhau và việc chị M cho rằng anh có có người phụ nữ khác bên ngoài là không đúng. Qua yêu cầu xin ly hôn của chị M thì anh đồng ý ly hôn. Về con chung: Yêu cầu được giành quyền nuôi dưỡng cháu Thạch Vũ K1 và đồng ý giao cháu Thạch Vũ K2 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh và chị M không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nghĩa vụ chung: Xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến*:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Thạch Thị Xà M và anh Lê Văn B là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu K1 cho anh B và giao cháu K2 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu của các đương sự thì tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị Xà M và anh Lê Thanh B được xác lập trên cơ sở tự nguyện nhưng quá trình chung sống vợ chồng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, hôn nhân chị M và anh B là không hợp pháp. Vợ chồng xác định thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc nhưng thời gian sau này thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn một phần do anh B có người phụ nữ khác bên ngoài. Khi sống ly thân, vợ chồng xác định không ai quan tâm đến ai. Tại phiên tòa, chị M cương quyết xin được ly hôn, anh B đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, anh, chị chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M và chỉ cần tuyên bố không công nhận chị Thạch Thị Xà M và anh Lê Văn B là vợ chồng.

[2.2] Về nuôi con chung: Có 02 con chung: Cháu Thạch Vũ K1, sinh ngày 09/9/2011 và cháu Thạch Vũ K2, sinh ngày 10/8/2014. Hiện cháu K1 đang sống chung với anh B và cháu K2 đang sống với chị M. Khi ly hôn chị M yêu cầu được quyền nuôi 02 cháu đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Anh B yêu cầu được giành quyền nuôi dưỡng cháu K1 và đồng ý giao cháu K2 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh và chị M không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Hai cháu đang sống ổn định ở hai bên anh, chị, hơn nữa anh B cũng có công việc, thu nhập ổn định và đã nuôi cháu K1 đầy đủ về vật chất lẫn tinh thần. Hiện cháu K1 cũng đang học gần nhà anh B. Chính vì vậy, để ổn định sự phát triển bình thường cho 02 cháu nên cần thiết tiếp tục cho hai cháu sống ổn định như ban đầu. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu K1 cho anh B và giao cháu K2 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Dành quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung cho chị M, anh B, không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, chị M, anh B không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu có thì chị M, anh B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của nhau. Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

[2.3Tài sản chung: Xác định không có nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Nghĩa vụ chung: Xác định không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Án phí: Nguyên đơn chị Thạch Thị Xà M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 7 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều147, Điều 271và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Thạch Thị Xà M và anh Lê Văn B là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Thạch Vũ K1, sinh ngày 09/9/2014 cho anh B và giao cháu Thạch Vũ K2, sinh ngày 10/8/2014 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Nghĩa vụ chung: Xác định không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Thạch Thị Xà M phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 000818 ngày 09 tháng 4 năm 2018 thành tiền án phí. Công nhận chị M đã nộp xong.

6. Án tuyên công khai, có mặt nguyên đơn và bị đơn.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận**:
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Minh Phụng**